TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẢNG BOM** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2025/HS-ST
Ngày: 20/01/2025

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẢNG BOM, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà **Bùi Thị Bích Hồng**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Đặng Quang Hoạch**

Ông **Vũ Xuân Tuất**

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Lê Quỳnh Anh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa*: Ông **Cao Văn Bình** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 20 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 336/2024/HSST ngày 06 tháng 12 năm 2024 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2025/QĐXXST-HS ngày 06 tháng 01 năm 2025 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Lưu Đình P**, sinh năm: 1984; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Nơi sinh: Phú Thọ; Nơi cư trú: P - A, phường N, Quận C, Hà Nội; Chỗ ở hiện nay: Ấp A, xã B, huyện T, tỉnh Đồng Nai; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Họ tên cha: Lưu Xuân T, sinh năm 1958; Họ tên mẹ: Đào Thị H, sinh năm 1960; Gia đình bị cáo có 02 anh em, bị cáo là con lớn nhất. Họ tên vợ: Nguyễn Lan H1, sinh năm 1985 (Đã ly hôn năm 2019); Có 02 con, lớn sinh năm 2010, nhỏ sinh năm 2013.

Tiền án, Tiền sự: Không.

Bị cáo bị giam giữ từ ngày 13/9/2024 (*Có mặt*).

- Bị hại: Ông Tô Ngọc Đ, sinh năm 1974. Nơi thường trú và nơi cư trú: ấp S, xã B, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

+ Anh Lê Đình H2, sinh năm 1985. Địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

+ Chị Lê Thị L, sinh năm 1986. Địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện T, tỉnh Đồng

Nai.

+ Anh Hồ Thế Đ1, sinh năm 1983. Địa chỉ: Tổ E, K, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

(*Ông Đ, anh H2, chị L, anh Đ1 vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt)*.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Lưu Đình P không có việc làm ổn định, do không có tiền tiêu xài, biết xưởng gỗ của ông Tô Ngọc Đ, sinh năm: 1974 tại Ấp A, xã B, huyện T, tỉnh Đồng Nai hiện đã ngưng hoạt động, không khóa cửa, bên trong có nhiều máy móc, nên P đã nảy sinh ý định trộm cắp tài sản bán lấy tiền tiêu xài. Đến khoảng 08 giờ ngày 09/9/2024, P tìm thấy số điện thoại của Lê Đình H2, sinh năm: 1985, cư trú: ấp A, xã B, huyện T là người mua bán phế liệu ghi trên xe ba gác (không rõ biển số xe) ở dọc đường, P gọi cho H2 nói có một số máy móc cần bán và hẹn H2 đến quán C (sát bên nhà xưởng gỗ của ông Đ) bàn về việc mua bán số máy móc trên. P giới thiệu mình là chủ xưởng và dẫn H2 vào trong xưởng xem máy móc, cả hai thống nhất bán số máy móc trong xưởng với giá phế liệu giá 8.000 đồng/01kg. Lúc này, H2 điện thoại cho Lê Thị L, sinh năm: 1986, cư trú: ấp A, xã B, huyện T (cũng làm nghề thu mua phế liệu) rủ mua chung, L đồng ý. Sau đó L điện thoại cho em rể tên Hồ Thế Đ1, sinh năm: 1983, cư trú: tổ E, khu phố K, Phường T, Thành phố T, tỉnh Bình Dương chuyên thu mua các loại máy móc, L giới thiệu và ngỏ ý bán số máy móc trên cho Đ1, Đ1 đồng ý. Tiếp đó L gọi điện thoại cho chồng là Phạm Văn H3 nói cho H3 biết việc mua máy móc thanh lý cùng với H2 và nói H3 cùng đi xem số máy móc trên, thì H3 đồng ý. Đến khoảng 10 giờ cùng ngày, H3 và Lê Lương H4, sinh năm: 1978 (anh vợ của H3), cư trú: ấp A, xã B, huyện T điều khiển xe ô tô tải biển số 60C-614.42 đến xưởng gặp P và H2. H2 gọi Phạm Xuân P1, sinh năm: 1983, HKTT: Khu phố A, phường H, thành phố B, tỉnh Đồng Nai lái xe cẩu biển số: 60C-443.37 đến cẩu tất cả máy móc trong xưởng lên xe nâng bán cho Đ1, nhưng Đ1 chỉ mua 07 (bảy) máy với tổng trị giá 17.000.000 đồng, nhưng L chỉ đưa cho Hợp số tiền 12.000.000 đồng để trả cho P tiền mua 07 máy móc trong xưởng, còn lại số tiền 5.000.000 đồng thì L và H2 chia nhau mỗi người 2.500.000 đồng. Đối với 01 (một) máy nén khí dung tích 30 lít hiệu HTC, Đ1 không mua (do đã bị hỏng nặng), nên H3 mang để ở nhà tại ấp A, xã B, huyện T.

Ngày 10/9/2024, khi ông Đ đến xưởng thì phát hiện máy móc trong xưởng đã bị mất, nên đến Công an xã B trình báo sự việc, Công an xã B đã lập hồ sơ ban đầu và bàn giao đến Công an huyện T thụ lý giải quyết theo thẩm quyền. Tại Bản kết luận định giá tài sản số: 103/KL-HĐĐGTS ngày 25/9/2024, Hội đồng định giá

tài sản trong Tố tụng hình sự thuộc UBND huyện T kết luận tổng trị giá của các tài sản nói trên là: có 51.300.000 đồng *(Năm mươi mốt triệu ba trăm ngàn đồng)*.

Vật chứng thu giữ gồm: 01 (một) máy cưa bàn trượt 02 lưỡi màu trắng xám trên máy có ký hiệu MJ6132TA; 01 (một) máy liên hợp mặt 50 có phần khung máy màu xanh; 01 (một) máy hút bụi của máy cưa bàn trượt 02 lưỡi có khung màu xanh; 01 (một) máy Tuspi đóng mộng gỗ có khung sắt màu xanh trên mô tơ máy có dán tem cơ sở sản xuất P2; 01 (một) máy dán cạnh hiệu LUBANLE DW-900; 01 (một) máy nén khi một pha 80 lít hiệu PUMA; 01 (một) máy nén khí ba pha 160 lít hiệu PUMA); 01 (một) máy nén khí dung tích 30 lít hiệu HTC; 01 xe mô tô hiệu Honda Click, biển số 60N3-5454 và 01 giấy đăng ký xe 60N3-5454; 01 giấy mua bán xe; 01 điện thoại hiệu Maxtell, gắn sim số 0379. 359. 028; 01 (một) Căn cước công dân tên Lưu Đình P; 01 (một) áo thun, ngắn tay màu đỏ; 01 (một) chiếc quần dài màu đen; 01 (một) chiếc mũ màu đen; 01 (một) đôi dép màu đen; do bị can Lưu Đình P mặc khi thực hiện hành vi trộm cắp tài sản.

Trước Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T, Lưu Đình P đã khai nhận hành vi phạm tội nêu trên phù hợp lời khai bị hại và các chứng cứ, tài liệu thu thập tại hồ sơ vụ án.

Tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại gì về bản kết luận định giá tài sản số 103/KL-HĐĐGTS ngày 25/9/2024 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự huyện T.

Tại bản Cáo trạng số 03/CT-VKSTB ngày 05 tháng 12 năm 2024, Viện Kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom đã truy tố bị cáo Lưu Đình P về tội "Trộm cắp tài sản" theo điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom giữ nguyên quyết định truy tố theo bản Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c, khoản 2 Điều 173, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Đề nghị xử phạt bị cáo Lưu Đình P từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù.

Về xử lý vật chứng:

- Đối với 08 máy móc các loại bị trộm cắp, quá trình điều tra xác định đây là tài sản hợp pháp của ông Tô Ngọc Đ, nên Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện T đã ra Quyết định trả lại cho ông Đ;

- Đối với bộ quần áo gồm: 01 (một) áo thun, ngắn tay màu đỏ; 01 (một) chiếc quần dài màu đen; 01 (một) chiếc mũ màu đen; 01 (một) đôi dép màu đen; do bị can Lưu Đình P mặc khi thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, đe nghị Tòa tuyên tịch thu tiêu hủy;

- Đối với 01 (một) Căn cước công dân tên Lưu Đình P, P không sử dụng vào việc phạm tội nên Cơ quan CSĐT trả lại cho bị can Lưu Đình P;

- Đối với 01 điện thoại hiệu Maxtell, gắn sim số 0379.359.028 (thu giữ của Lưu Đình P), bị can Lưu Đình P sử dụng vào việc phạm tội, nên đề nghị Tòa tuyên tịch thu sung công.

- Đối với số tiền 12.000.000 đồng xác định là số tiền thu lợi bất chính, gia đình bị can P đã nộp lại và chuyển trả lại cho Lê Thị L.

Về trách nhiệm dân sự: Ông Tô Ngọc Đ đã nhận lại toàn bộ tài sản do bị cáo Lưu Đình P trộm cắp và không có yêu cầu gì về mặt dân sự; chị Lê Thị L đã được gia đình bị can Lưu Đình P bồi thường số tiền 12.000.000 đồng, chị L đã nhận lại số tiền và không có yêu cầu gì khác; anh Lê Đình H2, chị Lê Thị L đã trả lại cho anh Hồ Thế Đ1 số tiền 17.000.000 đồng, anh Đ1 đã nhận lại tiền và không có yêu cầu gì.

Bị cáo Lưu Đình P nói lời sau cùng: Bị cáo nhận thức được hành vi của bị cáo là sai, kính mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện T, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và truy tố bị cáo, bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập tham gia phiên tòa tuy nhiên vắng mặt tại phiên tòa và có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự xét xử vắng mặt bị hại và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[3] Bị cáo Lưu Đình P là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo khai nhận: Vào ngày 09/9/2024, tại ấp A, xã B, huyện T, tỉnh Đồng Nai, Lưu Đình P có hành vi trộm cắp 07 máy gia công gỗ của ông Tô Ngọc Đ có tổng trị giá 51.300.000 đồng (Năm mươi mốt triệu, ba trăm ngàn đồng).

Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại và các tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án. Như vậy hành vi của bị cáo Lưu Đình P đã đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản" quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom đã truy tố là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng quy định pháp luật.

[4] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội:

Tính chất của vụ án rất nghiệm trọng, hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của công dân được pháp luật bảo vệ, ảnh hưởng đến tình hình trật tự, trị an tại địa phương. Bị cáo có khả năng nhận thức được hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng do có tư tưởng muốn hưởng thụ, muốn chiếm đoạt tài sản của người khác để tiêu xài nên bị cáo đã cố ý thực hiện hành vi phạm tội, bất chấp sự trừng trị của pháp luật nên cần áp dụng hình phạt tù mới đủ sức răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung trong toàn xã hội.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm Hình sự.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Bị cáo đầu thú là các tình tiết được quy định tại điểm s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[7] Về trách nhiệm dân sự:

- Ông Tô Ngọc Đ đã nhận lại toàn bộ tài sản do bị cáo Lưu Đình P trộm cắp và không có yêu cầu gì về mặt dân sự.

- Chị Lê Thị L đã được gia đình bị cáo Lưu Đình P bồi thường số tiền 12.000.000 đồng, chị L đã nhận lại số tiền và không có yêu cầu gì khác.

- Anh Lê Đình H2, chị Lê Thị L đã trả lại cho anh Hồ Thế Đ1 số tiền 17.000.000 đồng, anh Đ1 đã nhận lại tiền và không có yêu cầu gì.

[8] Về biện pháp tư pháp:

- Đối với 08 máy móc các loại bị trộm cắp, quá trình điều tra xác định đây là tài sản hợp pháp của ông Tô Ngọc Đ, nên Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện T đã ra Quyết định trả lại cho ông Đ là đúng quy định;

- Đối với bộ quần áo gồm: 01 (một) áo thun, ngắn tay màu đỏ; 01 (một) chiếc quần dài màu đen; 01 (một) chiếc mũ màu đen; 01 (một) đôi dép màu đen; do bị cáo Lưu Đình P mặc khi thực hiện hành vi trộm cắp tài sản nên cần tịch thu tiêu hủy;

- Đối với 01 (một) Căn cước công dân tên Lưu Đình P, P không sử dụng vào việc phạm tội nên Cơ quan CSĐT trả lại cho bị cáo Lưu Đình P;

- Đối với 01 điện thoại hiệu Maxtell, gắn sim số 0379.359.028 (thu giữ của Lưu Đình P), bị cáo Lưu Đình P sử dụng vào việc phạm tội, nên cần tuyên tịch thu sung công;

- Đối với số tiền 12.000.000 đồng xác định là số tiền thu lợi bất chính, gia đình bị cáo P đã nộp lại và chuyển trả lại cho Lê Thị L;

- Đối với 01 (một) xe mô tô biển số 60N3-5454 số máy JF18E0006444, số khung RLHJF18037Y306490 do anh Vũ Ngọc T1, sinh năm: 1983, cư trú: 63/6, ấp C, xã S, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai đứng tên trên Giấy chứng nhận đăng ký xe. Vào năm 2011, anh T1 đã ban chiếc xe mô tô trên nhưng khi bán không làm thủ tục sang tên, đổi chủ, hiện nay anh T1 không nhớ thông tin, lai lịch người mua. Vào khoảng tháng 8/2024, anh Hoàng Nghĩa V, sinh năm: 1981, cư trú: ấp A, xã B, huyện T, tỉnh Đồng Nai mua lại chiếc xe trên từ một người không rõ lai lịch, khi mua bán anh V thấy xe mô tô biển số 60N3-5454 có Giấy chứng nhận đăng ký xe bản gốc nên đồng ý mua lại nhưng không xác định được xe mô tô có bị tranh chấp hay chiếm đoạt trái pháp luật hay không. Đến ngày 10/9/2024, bị cáo P sử dụng 6.600.000 đồng trong số tiền 12.000.000 đồng phạm tội mà có để mua chiếc xe mô tô hiệu Honda Click biên số 60N3-5454 từ anh V. Hiện nay không xác định được xe mô tô hiệu Honda Click biển số 60N3-5454 có bị tranh chấp hay bị chiếm đoạt trái pháp luật hay không nên không có căn cứ để xử lý vật chứng, do đó Cơ quan

CSĐT tách xe mô tô hiệu Honda Click biển số 60N3-5454 ra để tiếp tục xác minh, làm rõ, xử lý sau.

[9] Vấn đề khác:

- Đối với Lê Đình H2, Lê Thị L, Hồ Thế Đ1 là người trực tiếp mua máy móc từ bị cáo Lưu Đình P, do không biết số máy móc trên là tài sản do phạm tội mà có, nên Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện T không xử lý;

- Đối với Phạm Văn H3, Lê Lương H4 là người được L gọi đến để phụ bốc dỡ máy móc lên xe. H3, H4 không biết số máy móc trên là tài sản trộm cắp nên Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện T không xử lý;

- Đối với Phạm Xuân P1 là người lái xe cẩu được H2 gọi đến cẩu máy móc do H2 mua, P1 không biết đây là tài sản trộm cắp nên Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện T không xử lý;

- Đối với anh Hoàng Nghĩa V khi bán lại chiếc xe hiệu Honda Click biển số 60N3-5454 cho P, không biết tiền Phong mua xe là tiền phạm tội mà có nên Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện T không xử lý.

[10] Về án phí: Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội và bị kết án nên phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh và hình phạt: Căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tuyên bố bị cáo Lưu Đình P phạm tội "*Trộm cắp tài sản*".

Xử phạt bị cáo Lưu Đình P **02 (Hai)** năm **03 (Ba)** tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 13/9/2024.

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

T2 tịch thu sung công 01 điện thoại hiệu Maxtell đã qua sử dụng, đã cũ, hiện không hoạt động kèm theo sim có số seri: 89840 48000 92995 2965;

Tuyên tịch thu tiêu hủy 01 (một) áo thun, ngắn tay màu đỏ; 01 (một) chiếc quần dài màu đen; 01 (một) chiếc mũ màu đen; 01 (một) đôi dép màu đen.

(Các vật chứng nêu trên đang tạm giữ tại biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 05/12/2024 giữa Công an huyện T và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trảng Bom).

3. Về án phí tòa án: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Lưu Đình P phải nộp 200.000 (*Hai trăm ngàn*) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Bị cáo Lưu Đình P được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại ông Tô Ngọc Đ có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tống đạt hợp lệ bản án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Lê Đình H2, chị Lê Thị L, anh Hồ Thế Đ1 có quyền kháng cáo những vấn đề liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của họ trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tống đạt hợp lệ bản án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Thị Bích Hồng

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Quang H5 – Vũ Xuân Tuất Bùi Thị Bích H6

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Thị Bích Hồng

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Thị Bích Hồng

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đinh Xuân D – T **Bùi Thị Bích H6**